

Số: 60 /QĐ-SYT

Tây Ninh, ngày 28 tháng 1 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022
của Sở Y tế Tây Ninh

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Y tế Tây Ninh; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Sở Y tế Tây Ninh (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Y tế, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Văn phòng Sở Y tế Tây Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Mai

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Cổng thông tin điện tử SYT;
- Lưu VP-KHTC_{Mai}



Đỗ Hồng Sơn

CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ

(Kèm theo Quyết định số 60./QĐ-SYT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

ĐVT: ngàn đồng

TT	Đơn vị	PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022 KINH PHÍ GIAO QUYỀN TỰ CHỦ			Ghi chú
		Nguồn dự toán NSNN giao năm 2022	Trong đó		
			Quỹ lương 1,49 trđ	Trích Quỹ thi đua khen thưởng theo Nghị định 91/2017/NĐ-CP (mức tối thiểu)	
A	B	1=2+3	2	3	
I. Chi quản lý hành chính		8.147.000	8.113.000	34.000	
1	- Văn phòng Sở	4.845.000	4.825.000	20.000	QĐ 43
2	- Chi cục Dân số và KHH G/đình	1.372.000	1.366.000	6.000	QĐ 43
3	- Chi cục A/toàn v/sinh thực phẩm	1.930.000	1.922.000	8.000	QĐ 43
II. Sự nghiệp Y tế		143.417.000	142.809.000	608.000	
A. Phòng bệnh + Dân số (131)		66.083.300	65.796.300	287.000	
1	Tuyển tỉnh	26.532.300	26.414.300	118.000	
1.1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2.982.800	2.969.800	13.000	
1.2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	16.608.600	16.535.600	73.000	
1.4	Trung tâm kiểm nghiệm DPMPTP	3.451.700	3.436.700	15.000	
1.5	Trung tâm Giám định Y khoa	1.483.200	1.476.200	7.000	
1.6	Trung tâm Pháp y	2.006.000	1.996.000	10.000	
2	Tuyển huyện	39.551.000	39.382.000	169.000	
2.1	Trung tâm Y tế Trảng Bàng	4.160.100	4.142.100	18.000	
2.2	Trung tâm Y tế Gò Dầu	4.531.500	4.512.500	19.000	
2.3	Trung tâm Y tế Châu Thành	4.174.800	4.156.800	18.000	
2.4	Trung tâm Y tế Hòa Thành	4.464.100	4.445.100	19.000	
2.5	Trung tâm Y tế Tân Biên	3.968.400	3.951.400	17.000	
2.6	Trung tâm Y tế DMC	5.016.600	4.995.600	21.000	
2.7	Trung tâm Y tế Tân Châu	4.442.000	4.422.000	20.000	
2.8	Trung tâm Y tế Thành phố	4.746.600	4.726.600	20.000	
2.9	Trung tâm Y tế Bến Cầu	4.046.900	4.029.900	17.000	
B. Tuyển xã (131)		77.333.700	77.012.700	321.000	
1	Trung tâm Y tế Trảng Bàng (10 xã)	9.394.900	9.355.900	39.000	
2	Trung tâm Y tế Gò Dầu (9 xã)	7.329.300	7.299.300	30.000	
3	Trung tâm Y tế Châu Thành (15 xã)	11.851.200	11.802.200	49.000	
4	Trung tâm Y tế Hoà Thành (8 xã)	7.541.300	7.510.300	31.000	
5	Trung tâm Y tế Tân Biên (10 xã)	7.084.600	7.055.600	29.000	
6	Trung tâm Y tế DMC (11 xã)	9.301.200	9.262.200	39.000	
7	Trung tâm Y tế Tân Châu (12 xã)	9.851.100	9.810.100	41.000	
8	Trung tâm Y tế Thành phố (10 xã)	7.886.700	7.853.700	33.000	
9	Trung tâm Y tế Bến Cầu (9 xã)	7.093.400	7.063.400	30.000	
III. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		3.929.000	3.911.100	17.900	
1	Trường trung cấp Y tế	3.929.000	3.911.100	17.900	
	Tổng cộng	155.493.000	154.833.100	659.900	-

Người lập

Nguyễn Ngọc Tuyết Mai
Đặng Ngọc Tuyết Mai

Tây Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Hồng Sơn

CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ KHÔNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ

(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-SYT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

DVT: đồng

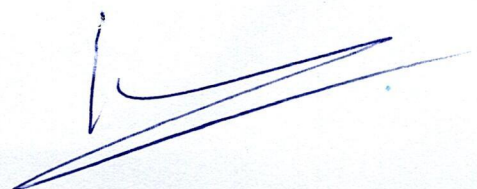
TT	Đơn vị	Tổng phân bổ và giao dự toán chi NSNN 2022	Trợ cấp tiền Tết Nhâm Dần 2022	KP trợ cấp bác sĩ năm 2022	KP trợ cấp y tế thôn bản năm 2022
Quyết định giao dự toán năm 2022			45/QĐ-SYT	52/QĐ-SYT; 53/QĐ-SYT	52/QĐ-SYT
A	Tuyển tỉnh	10.085.000.000	669.000.000	9.416.000.000	-
1	Văn phòng Sở Y tế	15.000.000	15.000.000		
2	Chi cục An toàn vệ sinh TP	8.000.000	8.000.000		
3	Chi cục Dân số KHHGD	4.000.000	4.000.000		
4	Bệnh viện đa khoa	5.841.000.000	380.000.000	5.461.000.000	
5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền	1.345.500.000	52.500.000	1.293.000.000	
6	Bệnh viện PHCN	501.500.000	33.500.000	468.000.000	
7	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	863.000.000	32.000.000	831.000.000	
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	757.000.000	77.000.000	680.000.000	
9	Trung tâm kiểm dịch YTQT	24.000.000	24.000.000		
10	Trung tâm KN Thuốc MP,TP	15.000.000	15.000.000		
11	Trung tâm Giám định Y khoa	320.000.000	5.000.000	315.000.000	
12	Trung tâm Pháp y	154.500.000	7.500.000	147.000.000	
13	Trường Trung cấp y tế	236.500.000	15.500.000	221.000.000	
B	Tuyển huyện	16.379.000.000	875.000.000	12.094.000.000	3.410.000.000
1	Trung tâm Y tế Trảng Bàng	2.533.000.000	121.000.000	1.986.000.000	426.000.000
2	Trung tâm Y tế Gò Dầu	1.933.500.000	106.500.000	1.487.000.000	340.000.000
3	Trung tâm Y tế Châu Thành	1.951.000.000	101.000.000	1.288.000.000	562.000.000
4	Trung tâm Y tế Hòa Thành	1.731.500.000	112.500.000	1.402.000.000	217.000.000
5	Trung tâm Y tế Tân Biên	1.334.500.000	80.500.000	924.000.000	330.000.000
6	Trung tâm Y tế Dương Minh Châu	1.625.500.000	80.500.000	1.182.000.000	363.000.000
7	Trung tâm Y tế Tân Châu	2.479.000.000	113.000.000	1.774.000.000	592.000.000
8	Trung tâm Y tế Thành phố	1.499.000.000	89.000.000	1.147.000.000	263.000.000
9	Trung tâm Y tế Bến Cầu	1.292.000.000	71.000.000	904.000.000	317.000.000
	Tổng cộng	26.464.000.000	1.544.000.000	21.510.000.000	3.410.000.000

Tây Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Người lập



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ KHÔNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ
(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-SYT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Tổng phân bổ và giao dự toán chi NSNN 2022	KP thực hiện chính sách thu hút, đào tạo của ngành y tế	KP đối nội - đối ngoại	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và đại hội Đảng	KP cho CBCC làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính	KP chi hoạt động xử phạt hành chính
Quyết định giao dự toán năm 2022							
A	Tuyến tỉnh	11.381.000.000	10.000.000.000	72.000.000	54/QĐ-SYT	54/QĐ-SYT	54/QĐ-SYT
1	Văn phòng Sở Y tế	11.255.000.000	10.000.000.000	72.000.000	100.000.000	16.000.000	15.000.000
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	114.000.000					
3	Chi cục Dân số KHHGD	12.000.000					
B	Tuyến huyện	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	11.381.000.000	10.000.000.000	72.000.000	100.000.000	16.000.000	15.000.000



CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ KHÔNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ
(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-SYT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	KP trang phục thanh tra	KP ISO	KP mua sắm, sửa chữa	KP Thu phí, lệ phí	KP thực hiện trợ cấp thời việc năm 2021	KP điều tra quan trắc và phân tích môi trường	KP bảo vệ môi trường khác
Quyết định giao dự toán năm 2022		54/QĐ-SYT	54/QĐ-SYT	54/QĐ-SYT	54/QĐ-SYT	54/QĐ-SYT	54/QĐ-SYT	54/QĐ-SYT
A	Tuyến tỉnh	20.000.000	20.000.000	114.000.000	355.366.000	168.634.000	200.000.000	300.000.000
1	Văn phòng Sở Y tế	20.000.000	10.000.000	78.000.000	275.366.000	168.634.000	200.000.000	300.000.000
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		10.000.000	24.000.000	80.000.000			
3	Chi cục Dân số KHHGD			12.000.000				
B	Tuyến huyện	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	20.000.000	20.000.000	114.000.000	355.366.000	168.634.000	200.000.000	300.000.000

Người lập

Nhà

Đặng Ngọc Tuyết M.

Tây Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Hồng Sơn



CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ KHÔNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ

(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-SYT ngày 16 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Tổng phân bổ và giao dự toán chi NSNN 2022	KP mua thẻ BHYT cho bệnh nhân HIV/AIDS	KP hoạt động Quỹ khám chữa bệnh người nghèo	KP thực hiện thông tin Y tế Xuân 2022	KP hỗ trợ công tác kiểm nghiệm mẫu thước, mỹ phẩm, thực phẩm	KP hỗ trợ quản lý, thực hiện chuyên môn y tế
Quyết định giao dự toán năm 2022							
A	Tuyến tỉnh	10.553.000.000	2.000.000.000	5.000.000.000	80.000.000	1.650.000.000	300.000.000
1	Văn phòng Sở Y tế	6.323.000.000		5.000.000.000			300.000.000
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	2.580.000.000	2.000.000.000		80.000.000		
10	Trung tâm kiểm nghiệm DPMPTP	1.650.000.000				1.650.000.000	
B	Tuyến huyện	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	10.553.000.000	2.000.000.000	5.000.000.000	80.000.000	1.650.000.000	300.000.000

CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ KHÔNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ
(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-SYT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	KP hỗ trợ hoạt động Quỹ KCBNN	KP thực hiện đề tài cấp cơ sở	KP thẩm tra quyết toán công trình sửa chữa hoàn thành	Vốn đối ứng triển khai dự án	Dự phòng cho hoạt động sự nghiệp khác
Quyết định giao dự toán năm 2022		61/QĐ-SYT	61/QĐ-SYT	61/QĐ-SYT	61/QĐ-SYT	61/QĐ-SYT
A	Tuyến tỉnh	200.000.000	200.000.000	36.000.000	500.000.000	587.000.000
1	Văn phòng Sở Y tế	200.000.000	200.000.000	36.000.000		587.000.000
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật				500.000.000	
10	Trung tâm kiểm nghiệm DPMPTP					
B	Tuyến huyện	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	200.000.000	200.000.000	36.000.000	500.000.000	587.000.000

Người lập

Nla

Đặng Ngọc Tuyết Mai

Tây Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Hồng Sơn

CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ KHÔNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ

(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-SYT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Tổng phân bổ và giao dự toán chi NSNN 2022	Tuyên truyền an toàn vệ sinh thực phẩm	Tuyên truyền chiến dịch Vitamin A	Các hoạt động về phòng bệnh: Phòng, sốt rét, tăng huyết áp, ung thư, đái tháo đường, bướu cổ, bệnh nghề nghiệp, tiêm chủng mở rộng....	Hoạt động về phòng, chống bệnh Lao, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Hoạt động về an toàn vệ sinh thực phẩm
Quyết định giao dự toán năm 2022							
A	Tuyến tỉnh	12.600.000.000	56.150.000	58.788.000	6.800.000.000	800.000.000	500.000.000
1	Văn phòng Sở Y tế	3.415.062.000					
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	500.000.000					500.000.000
3	Chi cục Dân số KHHGD	370.000.000					
4	Bệnh viện đa khoa	350.000.000					
6	Bệnh viện phục hồi chức năng	250.000.000					
7	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	800.000.000				800.000.000	
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	6.914.938.000	56.150.000	58.788.000	6.800.000.000		
B	Tuyến huyện	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	12.600.000.000	56.150.000	58.788.000	6.800.000.000	800.000.000	500.000.000



CHỦ

CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ KHÔNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ
(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-SYT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

ĐVT: Đồng

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Hoạt động về an toàn vệ sinh thực phẩm	Hoạt động về phòng, chống bệnh tâm thần, sức khỏe sinh sản	Hoạt động về Phục hồi chức năng người khuyết tật	Hoạt động về Quân dân y kết hợp	Hoạt động về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Dự phòng hoạt động về dự phòng, phòng bệnh và dân số
Quyết định giao dự toán năm 2022		62/QĐ-SYT	62/QĐ-SYT	62/QĐ-SYT	62/QĐ-SYT	62/QĐ-SYT	62/QĐ-SYT
A	Tuyến tỉnh	500.000.000	350.000.000	250.000.000	50.000.000	370.000.000	3.365.062.000
1	Văn phòng Sở Y tế				50.000.000		3.365.062.000
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	500.000.000					
3	Chi cục Dân số KHHGD		350.000.000				
4	Bệnh viện đa khoa						
6	Bệnh viện phục hồi chức năng			250.000.000			
7	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi						
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật						
B	Tuyến huyện	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		500.000.000	350.000.000	250.000.000	50.000.000	370.000.000	3.365.062.000

Người lập

Mac

Đặng Ngọc Tuyết Mai

Tây Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Hồng Sơn

CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ VÀ GIAO KINH PHÍ KHÔNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ

(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-SYT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Tổng phân bổ và giao dự toán chi NSNN 2022	Kinh phí thực hiện Đề án XHH phương tiện tránh thai, Kế hoạch chăm sóc người cao tuổi, Đề án, kế hoạch công tác Dân số - kế hoạch hóa gia đình	Kinh phí thực hiện đảm bảo tài chính phòng chống HIV/AIDS	Kinh phí mua thuốc Methadone	Kinh phí thực hiện đề án, Kế hoạch, chương trình khác được duyệt	KP phòng bệnh COVID-19	KP khám chữa bệnh COVID-19	KP dự phòng chống dịch bệnh ngành
Quyết định giao dự toán năm 2022			63/QĐ-SYT	63/QĐ-SYT	63/QĐ-SYT	63/QĐ-SYT	64/QĐ-SYT	64/QĐ-SYT	64/QĐ-SYT
A	Tuyến tỉnh	26.172.000.000	362.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	4.538.000.000	4.668.000.000	5.486.000.000	6.118.000.000
1	Văn phòng Sở Y tế	6.838.000.000				4.538.000.000	300.000.000		2.000.000.000
2	Chi cục An toàn vệ sinh TP	-							
3	Chi cục Dân số KHHGD	362.000.000	362.000.000				915.000.000		
4	Bệnh viện đa khoa	1.830.000.000							
5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền	-							
6	Bệnh viện phục hồi chức năng	656.000.000					478.000.000	178.000.000	
7	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	850.000.000					575.000.000	275.000.000	
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	7.400.000.000		3.000.000.000	2.000.000.000		2.400.000.000		
9	Bệnh viện dã chiến số 1	2.562.000.000						1.281.000.000	1.281.000.000
10	Bệnh viện dã chiến số 5	1.098.000.000						549.000.000	549.000.000
11	Bệnh viện dã chiến số 6	4.576.000.000						2.288.000.000	2.288.000.000



TT	Đơn vị	Tổng phân bổ và giao dự toán chỉ NSNN 2022	Kinh phí thực hiện Đề án XHH phương tiện tránh thai, Kế hoạch chăm sóc người cao tuổi, Đề án, kế hoạch công tác Dân số - kế hoạch hóa gia đình	Kinh phí thực hiện đảm bảo tái chính phòng chống HIV/AIDS	Kinh phí mua thuốc Methadone	Kinh phí thực hiện đề án, Kế hoạch, chương trình khác được duyet	KP phòng bệnh COVID-19	KP khám chữa bệnh COVID-19	KP dự phòng chống dịch bệnh ngành
B	Tuyến huyện	5.728.000.000	-	-	-	-	4.214.000.000	1.514.000.000	-
1	Trung tâm Y tế Trảng Bàng	942.000.000					621.000.000	321.000.000	
2	Trung tâm Y tế Gò Dầu	300.000.000					300.000.000		
3	Trung tâm Y tế Châu Thành	896.000.000					598.000.000	298.000.000	
4	Trung tâm Y tế Hòa Thành	300.000.000					300.000.000		
5	Trung tâm Y tế Tân Biên	300.000.000					300.000.000		
6	Trung tâm Y tế Dương M Châu	576.000.000					438.000.000	138.000.000	
7	Trung tâm Y tế Tân Châu	850.000.000					575.000.000	275.000.000	
8	Trung tâm Y tế Thành phố	576.000.000					438.000.000	138.000.000	
9	Trung tâm Y tế Bến Cầu	988.000.000					644.000.000	344.000.000	
	Tổng cộng	31.900.000.000	362.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	4.538.000.000	8.882.000.000	7.000.000.000	6.118.000.000

Người lập

Nhu

Tây Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Hồng Sơn